

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN GONDOLA HOLDINGS

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN GONDOLA HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GONDOLA HOLDINGS REAL ESTATE DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GONDOLA HOLDINGS

2. Mã số doanh nghiệp: 0109904885

3. Ngày thành lập: 11/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 22, Ngõ 102 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914367172

Fax:

Email: contact@gondola.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4610
6.	Bán buôn thực phẩm Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4632
7.	Bán buôn đồ uống Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4659
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4663

14.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
15.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
18.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư Loại trừ: Hoạt động tư vấn pháp lý, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế	6619
19.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810(Chính)
20.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
21.	Hoạt động tư vấn quản lý Loại trừ: Hoạt động tư vấn pháp lý, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế	7020
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc	7110
23.	Quảng cáo Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7310
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất	7410
26.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4690
27.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
28.	Sao chép bản ghi các loại	1820
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng (Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933

30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Điều 7 Nghị định 96/2016/NĐ-CP; Điều 22, 23, 27 Nghị định 168/2017/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định 142/2018/NĐ-CP)	5510
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
34.	Đại lý du lịch (Điều 31, Điều 40 Luật du lịch 2017)	7911
35.	Điều hành tua du lịch (Điều 31 Luật du lịch 2017)	7912
36.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
37.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
38.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
39.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
40.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
41.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
46.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
54.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
60.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ LINH CHI	Số 17, tổ 14, ngách 32/2 đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	12,000	001302028749	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	12,000		

2	DƯƠNG MAI LINH	Số 17, tổ 14, ngách 32/2 đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.660.000	16.600.000.000	83,000	019178000029
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.660.000	16.600.000.000	83,000	
3	DƯƠNG THỊ MẾN	Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Hương Sơn, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	091559788
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG MAI LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019178000029

Ngày cấp: 23/05/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 51 Thủ Lệ, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 17, tổ 14, ngách 32/2 đường Bưởi, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội